

Số: 05/2023/QĐST-HNGĐ

Cao Phong, ngày 23 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 10/2023/TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023, về việc "Ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: **Chị Bùi Thị T** - Sinh năm: 1993

Bị đơn: **Anh Bùi Văn Tu** - Sinh năm: 1993

Cùng trú tại: Xóm O - xã N - huyện C - H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí, lệ phí của Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn Tu

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn Tu thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Thỏa thuận giao cháu Bùi Thị Ánh T, sinh ngày 04/8/2015 cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tuyệt đủ 18 tuổi, giao cháu Bùi Thế A, sinh ngày 20/9/2017 cho anh Bùi Văn Tu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Thế Anh đủ 18 tuổi. Các bên chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. *Về tài sản chung:* Các đương sự tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận như sau:

Anh Bùi Văn Tu phải có trách nhiệm trả tiền chênh lệch tài sản cho chị Bùi Thị T 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) trong thời gian sau:

Lần 1: Vào ngày 30/4/2024 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)

Lần 2: Vào ngày 28/12/2024 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)

Lần 1: Vào ngày 30/4/2025 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)

2.4. *Về án phí:* Chị Bùi Thị T tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003063 ngày 26/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong.

Trả lại cho chị Bùi Thị T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong theo biên lai số 0003063 ngày 26/10/2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh HB;
- Chi cục THADS huyện CP;
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân CP;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án. H

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

